

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *10266* /BKHDĐT-KTĐN

V/v thông báo việc áp dụng Hướng dẫn của LHQ-EU về định mức chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam (Bản cập nhật 2013)

*Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2013*

Kính gửi:

- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể.

Trên cơ sở rà soát tình hình thực hiện định mức chi phí trong Hướng dẫn của EU-UN về chi phí địa phương trong hợp tác phát triển với Việt Nam (*sau đây gọi tắt là Hướng dẫn*) bản cập nhật năm 2012, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp cùng Bộ Tài chính, các tổ chức Liên Hợp quốc (LHQ) và Liên minh Châu Âu (EU) hoàn thiện nội dung và cập nhật định mức chi phí trong Hướng dẫn năm 2013.

Ngày 09/12/2013, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, LHQ và EU đã nhất trí ký kết ban hành Hướng dẫn định mức chi phí địa phương LHQ - EU (bản cập nhật năm 2013) (*đính kèm theo công văn*). Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký.

So với Hướng dẫn năm 2012, Hướng dẫn năm 2013 có những điểm mới sau đây:

1. Phần lời của Hướng dẫn được kết cấu lại hợp lý hơn tạo thuận lợi cho người thực hiện tra cứu khi áp dụng.
2. Các thuật ngữ sử dụng trong Hướng dẫn được hiệu chỉnh rõ nghĩa và chính xác hơn.
3. Các định mức, chi phí được cập nhật theo giá thị trường 2013 (có độ trượt giá) về cơ bản cao hơn mức của năm 2012.
4. Việc phân loại các địa bàn để áp dụng mức công tác phí đã được xác định lại phù hợp hơn với nhu cầu và thực tế của Việt Nam, khắc phục tình trạng trong bản 2012.



5. Một số quy định cụ thể đã được điều chỉnh hoặc bổ sung mới trên cơ sở góp ý của các cơ quan Việt Nam như bổ sung định mức công tác phí cho ngày công tác cuối cùng nếu vượt quá 10 tiếng làm việc, hoặc hoàn thiện hơn quy định tuyển dụng nhân sự cung cấp dịch vụ trong trường hợp thị trường lao động không thể cung cấp cho dự án,...

6. Cải tiến cách thức trình duyệt đơn lẻ đối với các hội nghị, hội thảo, các sự kiện cấp cao có sự chủ trì hoặc tham gia của cấp Bộ trưởng ở Trung ương hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên bên phía Việt Nam ở địa phương và (hoặc) cấp Đại sứ/ Trưởng phái đoàn trở lên bên phía nhà tài trợ thông qua hình thức định mức chọn gói áp dụng cho các khách sạn từ 4 sao trở lên.

7. Việc xác định tiêu chí tuyển chọn, nhiệm vụ trong điều khoản giao việc của cán bộ dự án và chuyên gia tư vấn trong nước rõ ràng và cụ thể hơn.

8. Để tránh cách hiểu khác nhau khi sử dụng bản Hướng dẫn tiếng Việt và tiếng Anh, trong phần Phạm vi áp dụng có quy định rõ bản tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau trừ trường hợp hân hữu mới sử dụng bản tiếng Anh để tham khảo.

Trên cơ sở Hướng dẫn năm 2013 đã ký kết, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để Quý Cơ quan biết và áp dụng cho các chương trình, dự án ODA do LHQ và EU tài trợ thuộc đơn vị mình quản lý và thực hiện trong năm 2013.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư mong nhận được sự hợp tác của Quý Cơ quan./. *th*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTĐN, D( *101* ).



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: 2089/SY-UBND

Bình Định, ngày 31 tháng 12 năm 2013

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- CVP, K1;
- Lưu: VT (07b).

**TL. CHỦ TỊCH  
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG  
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình



**HƯỚNG DẪN CỦA LHQ-EU  
VỀ CHI PHÍ ĐỊA PHƯƠNG  
TRONG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN VỚI VIỆT NAM**

**Bản cập nhật năm 2013**

DO CÁC CƠ QUAN LHQ TẠI VIỆT NAM, PHẢI ĐOÀN LIÊN MINH CHÂU ÂU TẠI VIỆT NAM  
VÀ BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ VIỆT NAM BAN HÀNH

## LỜI NÓI ĐẦU

Chúng tôi vui mừng giới thiệu bản Hướng dẫn cập nhật này với một hệ thống các định mức thống nhất cho các chi phí phát sinh ở địa phương liên quan đến công tác quản lý Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) tại Việt Nam. Đây là kết quả của sự hợp tác chung giữa Chính phủ Việt Nam (CPVN), Liên Hợp Quốc (LHQ) và Liên minh Châu Âu (EU).

Chúng tôi hoan nghênh Chính phủ Việt Nam đã chủ trì sáng kiến ba bên này, qua đó làm tăng tính minh bạch và tạo cơ sở để hài hòa hóa và điều chỉnh tuân thủ hệ thống quốc gia giữa các nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam theo tinh thần của Cam kết Hà Nội về nâng cao hiệu quả viện trợ.

Có thể thấy trong Hướng dẫn này các thành quả của sự nỗ lực chung. Liên Hợp Quốc và Liên minh Châu Âu cam kết sẽ áp dụng tối đa có thể Hướng dẫn này trên cơ sở tuân thủ các quy định của mỗi tổ chức.

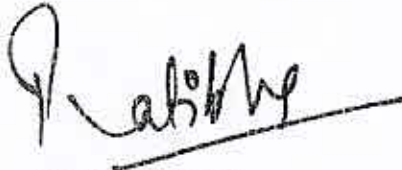
Chúng tôi khuyến khích các nhà tài trợ khác sử dụng Hướng dẫn này cho các chương trình, dự án ODA của mình tại Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng chắc chắn rằng các định mức chi tiêu hài hòa này sẽ đóng góp thiết thực vào việc nâng cao hiệu quả viện trợ tại Việt Nam.

*Hà Nội, ngày 9 tháng 12 năm 2013*



**Nguyễn Thế Phương**  
Thứ trưởng  
Bộ Kế hoạch và Đầu tư  
Việt Nam



**Pratibha Mehta**  
Điều phối viên thường trú  
Liên Hợp Quốc  
tại Việt Nam



**Franz Jessen**  
Đại sứ/ Trưởng Phái đoàn  
Liên minh Châu Âu  
tại Việt Nam

# MỤC LỤC

|                                                                     |    |
|---------------------------------------------------------------------|----|
| LỜI NÓI ĐẦU .....                                                   | 1  |
| MỤC LỤC .....                                                       | 2  |
| DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....                                      | 4  |
| GIỚI THIỆU.....                                                     | 5  |
| GIẢI THÍCH TỪ NGỮ .....                                             | 6  |
| Cơ quan hoặc Đối tác thực hiện dự án .....                          | 6  |
| Cán bộ dự án.....                                                   | 6  |
| Nhân sự cung cấp dịch vụ.....                                       | 6  |
| Cuộc họp dự án định kỳ.....                                         | 6  |
| Cuộc họp, hội nghị hoặc sự kiện cấp cao.....                        | 7  |
| Công tác phí.....                                                   | 7  |
| Giấy cho phép làm việc cho dự án .....                              | 7  |
| Kinh nghiệm phù hợp .....                                           | 7  |
| PHẠM VI ÁP DỤNG .....                                               | 8  |
| CÁC NGUYÊN TẮC CHỈ DẠO .....                                        | 9  |
| 1. Đóng góp của Việt Nam cho ngân sách của dự án, chương trình..... | 9  |
| 2. Cán bộ dự án.....                                                | 9  |
| 3. Nhân sự cung cấp dịch vụ.....                                    | 9  |
| 4. Công tác phí.....                                                | 10 |
| TIÊU CHUẨN CHẾ ĐỘ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC.....                            | 11 |
| 1. Thanh toán .....                                                 | 11 |
| 2. Luật Việt Nam .....                                              | 11 |
| 3. Định mức .....                                                   | 11 |
| 4. Công tác phí.....                                                | 11 |
| 5. Đi lại.....                                                      | 11 |
| 6. Cán bộ dự án: .....                                              | 12 |
| 7. Cuộc họp - Hội nghị - Sự kiện .....                              | 12 |
| 8. Nhân sự cung cấp dịch vụ: .....                                  | 12 |
| 9. Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ: .....                                 | 13 |
| 10. Phụ cấp làm việc tại vùng khó khăn.....                         | 13 |



|                                                                                            |           |
|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>PHỤ LỤC .....</b>                                                                       | <b>14</b> |
| <b>Phụ lục I - Hạn mức chi phí cán bộ dự án .....</b>                                      | <b>14</b> |
| <b>Phụ lục II - Nhân lực cung cấp dịch vụ .....</b>                                        | <b>15</b> |
| <i>Phụ lục II-A: Chuyên gia tư vấn trong nước .....</i>                                    | <i>15</i> |
| <i>Phụ lục II-B: Phiên dịch .....</i>                                                      | <i>16</i> |
| <i>Phụ lục II-C: Biên dịch .....</i>                                                       | <i>17</i> |
| <i>Phụ lục II-D: Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ (áp dụng nếu thấy phù hợp) .....</i>            | <i>17</i> |
| <b>Phụ lục III - Công tác phí .....</b>                                                    | <b>18</b> |
| <b>Phụ lục IV - Chi phí trọn gói tổ chức cuộc họp, hội nghị hay sự kiện cấp cao .....</b>  | <b>18</b> |
| <b>Phụ lục V - Thanh toán chi phí sử dụng phương tiện đi lại của cá nhân theo km .....</b> | <b>19</b> |
| <b>Phụ lục VI - Chi phí taxi đi sân bay .....</b>                                          | <b>19</b> |
| <b>Phụ lục VII - Các vùng (huyện) khó khăn .....</b>                                       | <b>20</b> |

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|                |                                      |
|----------------|--------------------------------------|
| <b>Bộ KHĐT</b> | Bộ Kế hoạch và Đầu tư                |
| <b>Bộ TC</b>   | Bộ Tài chính                         |
| <b>CPVN</b>    | Chính phủ Việt Nam                   |
| <b>CQTH</b>    | Cơ quan hoặc Đối tác thực hiện dự án |
| <b>EU</b>      | Liên minh Châu Âu                    |
| <b>LHQ</b>     | Liên Hợp Quốc                        |
| <b>ODA</b>     | Hỗ trợ phát triển chính thức         |
| <b>TOR</b>     | Điều khoản tham chiếu                |

## GIỚI THIỆU

Tháng 6 năm 2009, Chính phủ Việt Nam, LHQ và EU đã lần đầu tiên giới thiệu Hướng dẫn của LHQ - EU về Chi phí địa phương trong Hợp tác phát triển với Việt Nam (Bản năm 2009). Đây là một nỗ lực phối hợp toàn diện nhằm hướng tới việc thu hẹp dần khoảng cách giữa hệ thống của nhà tài trợ với hệ thống của Chính phủ đối với các chương trình, dự án ODA tại Việt Nam dựa trên phương pháp tiếp cận thị trường tự do. Định mức chi tiêu này cũng thể hiện dự định của Chính phủ trong việc cập nhật định mức chi tiêu của mình gần hơn với điều kiện thị trường.

Hướng dẫn LHQ-EU này đã được sửa đổi và cập nhật lần đầu tiên (Phiên bản thứ 2 năm 2012) dựa theo phương pháp và cách tiếp cận được sử dụng để xây dựng phiên bản đầu tiên của Hướng dẫn (Phiên bản năm 2009).

Qua thời gian thực hiện từ năm 2009 đến nay, bản Hướng dẫn của LHQ - EU này đã chứng tỏ tính đúng đắn của phương pháp tiếp cận và đem lại kết quả khả quan giúp nâng cao hiệu quả viện trợ và tăng cường lợi ích quốc gia.

Để tiếp tục hỗ trợ việc thực hiện các chương trình và dự án ODA tại Việt Nam được tốt hơn, Hướng dẫn của LHQ - EU về Chi phí địa phương trong Hợp tác phát triển với Việt Nam (Phiên bản cập nhật năm 2013) được ban hành sau một quá trình rà soát, đánh giá, điều chỉnh và cập nhật kỹ càng.

Hướng dẫn của LHQ - EU về các định mức chi tiêu được xây dựng dựa trên những nguyên tắc sau đây:

- Phản ánh tinh thần của Cam kết Hà Nội, đặc biệt trong khía cạnh hài hòa hóa và tuân thủ hệ thống quốc gia; tăng cường vai trò làm chủ và năng lực trong các hệ thống khu vực công liên quan đến ODA tất cả ở các cấp;
- Bảo đảm tính minh bạch và trách nhiệm giải trình khi sử dụng nguồn vốn ODA trong các thỏa thuận cụ thể về ODA;
- Đảm bảo cung cấp các nguồn lực một cách phù hợp, kịp thời và thực hiện dự án đạt hiệu quả;
- Hướng dẫn có cấu trúc đơn giản, rõ ràng để thực hiện;
- Sử dụng các điều kiện thị trường của địa phương thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn chế độ gắn với các yếu tố thị trường được tham chiếu trên cơ sở phương pháp luận phù hợp;
- Áp dụng các thông lệ tốt nhất;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho Nhóm Công tác ba bên<sup>1</sup> xem xét lại định mức chi phí ít nhất mỗi năm một lần trên cơ sở sử dụng cùng một phương pháp luận.

---

<sup>1</sup> Nhóm Công tác ba bên gồm đại diện của các cơ quan Chính phủ Việt Nam (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính), EU và LHQ.



# GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

## **Cơ quan hoặc Đối tác thực hiện dự án**

Là cơ quan hoặc tổ chức do Chính phủ và LHQ hoặc EU lựa chọn và được ghi trong Đề cương chi tiết hoặc Văn kiện chương trình, dự án để trực tiếp quản lý và thực hiện một chương trình hoặc một dự án do tổ chức LHQ hoặc EU hỗ trợ.

## **Cán bộ dự án**

Là cá nhân (làm việc tại các vị trí nêu tại Phụ lục I) ký hợp đồng trực tiếp với CQTH thông qua quá trình tuyển chọn để cung cấp dịch vụ cho CQTH theo như Điều khoản tham chiếu công việc (TOR) đã được thống nhất.

## **Nhân sự cung cấp dịch vụ**

Những cá nhân không phải là cán bộ dự án đáp ứng các yêu cầu của dự án trong việc hỗ trợ dự án về một lĩnh vực, vấn đề, hoạt động kỹ thuật, chuyên môn cụ thể của dự án trong một khoảng thời gian nhất định theo kế hoạch hoạt động của dự án. Nhân sự cung cấp dịch vụ bao gồm các loại nhân sự chủ yếu sau:

### *Chuyên gia tư vấn*

Là cá nhân được ký hợp đồng thông qua quá trình tuyển chọn để hoàn thành công việc cụ thể trong khoảng thời gian nhất định theo như TOR đã được thống nhất.

### *Phiên dịch/Biên dịch viên*

Là những chuyên gia kinh nghiệm có xác nhận chính thức về khả năng cung cấp dịch vụ biên, phiên dịch chất lượng cao trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp cho các tổ chức LHQ, EU hay các tổ chức tài trợ quốc tế khác và (hoặc) cho các dự án của các tổ chức này để cung cấp dịch vụ dịch thuật đối với các hoạt động đặc thù của dự án.

### *Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ*

Là cá nhân được giao trách nhiệm chuẩn bị và (hoặc) góp ý chính thức cho tài liệu gốc, và (hoặc) hướng dẫn, tổ chức và (hoặc) cung cấp đầu vào kỹ thuật hoặc tri thức... cho các hoạt động tập huấn và hội thảo của dự án.

## **Cuộc họp dự án định kỳ**

Là những cuộc họp liên quan đến công việc quản lý dự án.

**Cuộc họp, hội nghị hoặc sự kiện cấp cao**

Là sự kiện có sự chủ trì hoặc tham gia của cấp Bộ trưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trở lên bên phía Việt Nam và (hoặc) cấp Đại sứ/ Trưởng phái đoàn trở lên bên phía nhà tài trợ.

**Công tác phí**

Công tác phí bao gồm các khoản hỗ trợ cho chi phí ăn, ở và các khoản tiêu vật khác kể cả chi phí đi lại từ nơi nghỉ qua đêm khi đi công tác đến địa điểm họp và làm việc đầu tiên trong địa bàn công tác và ngược lại.

**Giấy cho phép làm việc cho dự án**

Là văn bản xác nhận của đại diện đơn vị nơi cá nhân đang làm việc cho phép được tham gia cung cấp dịch vụ cho chương trình, dự án trong một thời gian nhất định.

**Kinh nghiệm phù hợp**

Là kinh nghiệm làm việc toàn thời gian sau khi tốt nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn chính được yêu cầu đối với vị trí đó theo quy định trong TOR.

## PHẠM VI ÁP DỤNG

Hướng dẫn của LHQ - EU này áp dụng cho các hoạt động của các dự án, chương trình do LHQ và/hoặc EU hỗ trợ theo Văn kiện Dự án và/hoặc theo Kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt và do CQTH và các cơ quan đối tác khác thực hiện tại Việt Nam.

Các định mức chi tiêu nêu trong Hướng dẫn của LHQ - EU này quy định về các chi phí quản lý và thực hiện dự án nói chung.

Đối với những khoản chi tiêu đặc thù không được quy định trong các định mức chi tiêu này, CQTH sẽ xây dựng các định mức bổ sung theo lĩnh vực cụ thể trên cơ sở thống nhất với Bộ KHĐT, Bộ TC và nhà tài trợ.

Hướng dẫn của LHQ - EU được ban hành cả ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt và có giá trị như nhau. Trong trường hợp hân hữu mà có sự khác nhau giữa hai thứ tiếng, bản tiếng Anh sẽ được sử dụng để các bên tham khảo chính thức.

Các quy định chi tiêu nêu trong Hướng dẫn này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng cho tất cả các dự án, chương trình mới và đang thực hiện. Đối với các dự án đang thực hiện và đã được cam kết chính thức, việc áp dụng tùy thuộc vào nguồn vốn sẵn có trong năm tài chính hiện thời của dự án.

Hướng dẫn của LHQ - EU này, khi được áp dụng, sẽ thay thế hoàn toàn các định mức chi tiêu theo Hướng dẫn của LHQ - EU trước đây.



# CÁC NGUYÊN TẮC CHỈ ĐẠO

## 1. Đóng góp của Việt Nam cho ngân sách của dự án, chương trình

Chính phủ Việt Nam dự kiến sẽ đóng góp các khoản chi phí sau:

- i. Lương và các khoản phụ cấp cho cán bộ Chính phủ của CQTH và cho cán bộ Chính phủ được biệt phái làm việc cho chương trình, dự án.
- ii. Chi phí cho Văn phòng dự án: Điện, nước, thông tin liên lạc trong nước, trụ sở văn phòng và các trang thiết bị văn phòng còn hoạt động được (nếu có).
- iii. Chi phí vận hành dự án: Điện, nước, nơi làm việc, xăng dầu, chi phí bảo trì và sửa chữa trang thiết bị và xe cộ của dự án nếu quyền sở hữu các trang thiết bị đó đã được nhà tài trợ chuyển giao cho CQTH.
- iv. Trên nguyên tắc và trong điều kiện có thể, chi phí đối với các trang thiết bị của CQTH khi cơ quan này sử dụng các trang thiết bị đó cho các hoạt động đào tạo, hội thảo và hội nghị của dự án.
- v. Chi phí cho các cuộc họp dự án định kỳ.

Trừ trường hợp nêu tại các Mục (i) và (iv) nói trên, khi CQTH không có khả năng đóng góp thì phần chi phí này sẽ do ngân sách dự án chi trả trên cơ sở có đề nghị chính thức của CQTH và được nhà tài trợ chấp thuận bằng văn bản.

Trong trường hợp CQTH không phải là cơ quan của Chính phủ Việt Nam, CQTH có trách nhiệm đóng góp các khoản chi từ mục (ii) đến mục (v) ở trên.

## 2. Cán bộ dự án

Cán bộ dự án phải được tuyển dụng từ bên ngoài của CQTH trong trường hợp (a) khi CQTH không có khả năng cung cấp nhân lực của mình theo yêu cầu để thực hiện chương trình, dự án và (hoặc) (b) khi CQTH có nguồn nhân lực nhưng không thể hoặc không khá thi trong việc sử dụng nguồn nhân lực này của CQTH cho chương trình, dự án.

Cán bộ dự án được tuyển dụng và được trả lương theo các điều kiện nêu tại Phụ lục I.

Trong những trường hợp mà người được tuyển vào làm cán bộ dự án không muốn rời bỏ cơ quan, tổ chức mà mình đang làm để làm việc cho chương trình, dự án, họ phải có Giấy cho phép làm việc cho dự án của đại diện cơ quan, tổ chức này.

## 3. Nhân sự cung cấp dịch vụ

- i. Chuyên gia tư vấn, Phiên - Biên dịch viên, Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ phải được tuyển dụng từ bên ngoài của CQTH để hỗ trợ CQTH thực hiện một công việc cụ thể trong một khoảng thời gian nhất định theo Kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt. Trong trường hợp nếu nhân sự cung cấp dịch vụ được lựa chọn đang làm việc chính thức cho một cơ quan, tổ chức nào đó, họ phải có Giấy cho phép làm việc cho dự án của đại diện cơ quan, tổ chức này.



- ii. Trong trường hợp thị trường lao động trong nước không cung cấp được nhân sự với chuyên môn chuyên ngành theo yêu cầu của công việc dự án như tại điểm 3(i) nêu trên của bản Hướng dẫn này, có thể tuyển người thuộc biên chế của CQTH làm nhân sự cung cấp dịch vụ của dự án với điều kiện:
- Người được tuyển chọn phải có chuyên môn chuyên ngành như yêu cầu và đáp ứng được các yêu cầu về trình độ theo qui định trong TOR;
  - Có Giấy cho phép làm việc cho dự án của đại diện CQTH;
  - Được sự chấp thuận của nhà tài trợ.
- iii. Nhân sự cung cấp dịch vụ được trả thù lao theo các điều kiện và quy định như sau:
- Chuyên gia tư vấn được trả thù lao theo thỏa thuận (chẳng hạn, theo ngày hoặc theo tháng) theo các định mức quy định tại Phụ lục II-A hoặc một khoản thù lao cố định được xác định thông qua đấu thầu cạnh tranh.
  - Phiên dịch hoặc biên dịch viên được trả thù lao theo các định mức quy định tại Phụ lục II-B (cho mức phí phiên dịch) và Phụ lục II-C (cho định mức phí biên dịch).
  - Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ được trả thù lao theo các định mức quy định tại Phụ lục II-D.
- iv. Mức phí thù lao cho Chuyên gia tư vấn, Phiên dịch viên và biên dịch viên, tùy theo từng trường hợp cụ thể, cũng có thể được xác định thông qua quá trình đấu thầu cạnh tranh.

#### 4. Công tác phí

Công tác phí được chi trả cho đại biểu hoặc người tham dự để trang trải các chi phí gồm nghỉ qua đêm ở địa bàn khác nơi cư trú khi tham gia các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị, các chuyến giám sát hay các chuyến công tác khác ở Việt Nam theo yêu cầu của Giám đốc dự án hoặc người được ủy quyền khác trên cơ sở kế hoạch hoạt động đã được phê duyệt.

Công tác phí sẽ được thanh toán toàn bộ khi chi phí ăn, ở và các chi phí liên quan khác không được chi trả từ bất kỳ nguồn nào khác. Công tác phí sẽ bị khấu trừ khi dự án hoặc các đơn vị liên quan khác của dự án chính thức chi trả cho các khoản sau đây: (a) Nếu chỗ ở được thu xếp, giảm phí thuê phòng như quy định cụ thể tại Phụ lục III; (b) Nếu các bữa ăn được cung cấp, giảm 30% tiền ăn và tiêu vật quy định tại Phụ lục III cho mỗi bữa trưa hoặc bữa tối và 15% cho bữa sáng.

Nếu việc tổ chức ăn trưa kinh tế hơn thì chương trình, dự án nên tổ chức ăn trưa cho người tham dự đối với các sự kiện tổ chức cả ngày. Khi không thể tổ chức ăn trưa, sẽ thanh toán 30% định mức tiền ăn và tiêu vật của một ngày trong Công tác phí qui định tại Phụ lục III cho đại biểu/người tham dự không đủ tiêu chuẩn được hưởng công tác phí. Đối với các sự kiện diễn ra trong nửa ngày thì tiền công tác phí sẽ không được thanh toán cho đại biểu hoặc người tham dự.

Đối với các chuyến đi công tác kéo dài từ 10 tiếng trở lên bao gồm cả thời gian đi và về trong cùng một ngày, công tác phí sẽ được thanh toán theo định mức ăn và tiêu vật tại Phụ lục III.

Đối với các chuyến đi công tác có ngày cuối cùng kéo dài từ 10 tiếng trở lên bao gồm cả thời gian đi lại, công tác phí cho ngày đó sẽ được thanh toán 60% định mức ăn và tiêu vật qui định tại Phụ lục III.

Việc thanh toán được thực hiện theo hình thức trả khoán trọn gói.



# TIÊU CHUẨN CHẾ ĐỘ XÂY DỰNG ĐỊNH MỨC

## 1. Thanh toán

Trong trường hợp các định mức chi tiêu được quy định bằng Đô la Mỹ, việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng Đồng Việt Nam, sử dụng tỷ giá hối đoái của ngày thanh toán do nhà tài trợ áp dụng.

## 2. Luật Việt Nam

CQTH có trách nhiệm thực hiện các quy định của Luật Việt Nam trong việc thanh toán, giữ lại và lưu hồ sơ...đối với các khoản thuế (Ví dụ: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân...) và các khoản tiền bảo hiểm (Ví dụ: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp...)

## 3. Định mức

Các định mức quy định trong Hướng dẫn này là mức tổng (chẳng hạn, bao gồm các khoản thuế, bảo hiểm và các loại trợ cấp (nếu có)).

## 4. Công tác phí

Định mức công tác phí cho đại biểu hoặc người tham dự các cuộc hội thảo, cuộc họp và hội nghị được xác định dựa trên tiêu chuẩn chất lượng trung bình, tương đương với mức của khách sạn 3 sao. Bữa sáng, bữa trưa và bữa tối cũng xác định theo mức chất lượng trung bình, tương đương với các bữa ăn phục vụ tại khách sạn 3 sao. Tham khảo định mức tại Phụ lục III.

## 5. Đi lại

Chi phí đi lại được quy định như sau:

- i. Đối với việc di chuyển bằng đường không, đường bộ, đường thủy, áp dụng tuyến đường ngắn nhất và trực tiếp nhất theo hạng phổ thông phù hợp với cơ cấu giá vé rẻ nhất sử dụng phương tiện giao thông công cộng; và khi quyết định phương tiện đi lại thì cũng phải cân nhắc thời gian tối thiểu dành để đi lại.
- ii. Chỉ trong trường hợp mục (i) không thể áp dụng do không có phương tiện giao thông công cộng thì mới được phép sử dụng phương tiện đi lại cá nhân cho mục đích của dự án và sẽ được hoàn trả ở mức chuẩn theo km và theo độ dài quãng đường và phải được phép trước của Giám đốc dự án hoặc người được ủy quyền dựa theo kế hoạch hoạt động đã được duyệt. Tham khảo định mức tại Phụ lục V;
- iii. Việc thanh toán chi phí sử dụng phương tiện đi lại cho từng cá nhân đơn lẻ chỉ được thực hiện khi không thể sắp xếp được phương tiện đi lại chung.
- iv. Việc thuê phương tiện đi lại chỉ được thực hiện cho một số công việc cụ thể như giám sát dự án và phải được sự chấp thuận trước của Giám đốc dự án hoặc người được ủy quyền



dựa theo kế hoạch hoạt động đã được duyệt và sử dụng mức giá của thị trường đối với phương tiện đi lại thông thường.

- v. Đối với việc di chuyển bằng đường hàng không, mà theo đó cá nhân người đi lại phải di chuyển đến và về từ sân bay, một khoản thanh toán khoán trọn gói sẽ được hoàn trả cho cá nhân đi lại bằng taxi. Tham khảo định mức tại Phụ lục VI.

Trừ trường hợp (ii) và (v) nêu trên, khi thực hiện thanh toán thì người đi lại cần phải trình đầy đủ các chứng từ liên quan.

## **6. Cán bộ dự án:**

Hạn mức chi phí cán bộ dự án và việc phân loại cán bộ dự án sẽ được xác định trên cơ sở các khảo sát thị trường trong nước về công việc tương ứng. Hạn mức chi phí cán bộ dự án phải phù hợp với hạn mức chi phí phổ biến ở các dịch vụ và công việc tương tự trên thị trường lao động trong nước. Tham khảo định mức tại Phụ lục I.

## **7. Cuộc họp - Hội nghị - Sự kiện**

- i. Thông thường, chi phí phòng họp cho các cuộc họp, hội nghị hay sự kiện và các chi phí liên quan không được cao hơn về tiêu chuẩn và chi phí của khách sạn 3 sao hoặc tương đương.
- ii. Trong trường hợp cuộc họp, hội nghị hay sự kiện cấp cao mà phải được tổ chức ở các khách sạn có tiêu chuẩn cao hơn quy định (3 sao) theo như đã được phê duyệt trong kế hoạch hoạt động quý thì chi phí trọn gói tổ chức sự kiện theo đầu người cho sự kiện cả ngày hoặc sự kiện nửa ngày của các khách sạn có tiêu chuẩn cao hơn này không được vượt quá định mức qui định tại Phụ lục IV. Trong trường hợp tổ chức các cuộc họp, hội nghị hay sự kiện cấp cao nằm ngoài kế hoạch hoạt động quý đã phê duyệt thì việc tổ chức này phải được sự chấp thuận bằng văn bản của nhà tài trợ.
- iii. Chi phí trọn gói tổ chức sự kiện theo đầu người là chi phí tổng bao gồm chi phí thuê phòng tổ chức sự kiện và chi phí cho 2 bữa nghỉ giải lao trà/cà phê và bữa ăn trưa cho sự kiện cả ngày; 1 bữa nghỉ giải lao trà/cà phê và/hoặc bữa trưa cho sự kiện nửa ngày và các thiết bị cung cấp miễn phí kèm theo như micro bàn, micro không dây, hệ thống âm thanh cơ bản, giấy và bút viết, nước uống cho người tham dự cuộc họp tùy theo chính sách của từng khách sạn.

## **8. Nhân sự cung cấp dịch vụ:**

Định mức được xây dựng để phản ánh chung mức chi trả tương đương với mức lương của cán bộ dự án và bao gồm chi phí cho các dịch vụ tư vấn, biên dịch, phiên dịch, cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ, cho việc cung cấp các đầu vào kỹ thuật, soạn thảo báo cáo kỹ thuật, văn bản chính sách,... Tham khảo định mức tại Phụ lục II-A đến Phụ lục II-D.

### **9. Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ:**

Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ từ bên ngoài CQTH chỉ được huy động khi đóng góp của họ cho dự án không quá 5 ngày làm việc liên tục.

Số lượng cán bộ hỗ trợ công tác tổ chức tập huấn, hội thảo không quá 2 người. Tham khảo định mức tại Phụ lục II-D.

### **10. Phụ cấp làm việc tại vùng khó khăn**

Phụ cấp làm việc tại vùng khó khăn nhằm mục đích bù đắp cho các nhân sự cung cấp dịch vụ hay nhân sự dự án nằm vùng tại những địa điểm theo quy định của Chính phủ là những vùng (huyện) nghèo và khó khăn nhất trong cả nước. Phụ cấp làm việc tại vùng khó khăn sẽ được áp dụng cho các vùng (62 huyện) theo Danh mục các vùng (huyện) nghèo nhất của Việt Nam vào ngày 1 tháng 3 năm 2010 kèm Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2008 (Tham khảo định mức tại Phụ lục VII). Mức phụ cấp khó khăn được xác định tối đa là 10% của hạn mức chi phí tương ứng.



## PHỤ LỤC

### Phụ lục I - Hạn mức chi phí cán bộ dự án

| Hạn mức chi phí tối đa <sup>2</sup><br>theo tháng<br>(Tính theo Đô la Mỹ và<br>thanh toán bằng Đồng<br>Việt Nam) | Bậc 1                                               | Bậc 2                                                | Bậc 3                                                 | Bậc 4                                                 | Bậc 5                                                   |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| Nhóm tham khảo                                                                                                   | 2-5 năm<br>kinh nghiệm<br>phù hợp toàn<br>thời gian | 6-10 năm<br>kinh nghiệm<br>phù hợp toàn<br>thời gian | 11-15 năm<br>kinh nghiệm<br>phù hợp toàn<br>thời gian | 16-20 năm<br>kinh nghiệm<br>phù hợp toàn<br>thời gian | Trên 20 năm<br>kinh nghiệm<br>phù hợp toàn<br>thời gian |
| 1. Giám đốc Dự án/ Điều<br>phối viên dự án/Quản lý<br>dự án                                                      | 1.242                                               | 1.451                                                | 1.659                                                 | 1.867                                                 | 2.075                                                   |
| 2. Chuyên gia kỹ thuật                                                                                           | 1.035                                               | 1.142                                                | 1.403                                                 | 1.587                                                 | 1.771                                                   |
| 3. Trợ lý hành chính/ Thư<br>ký, Kế toán viên, Phiên<br>dịch/Biên dịch viên dự án                                | 702                                                 | 830                                                  | 959                                                   | 1.086                                                 | 1.214                                                   |
| 4. Thư ký, lái xe, nhân<br>viên tạp vụ, người đưa<br>thư, lao công.                                              | 331                                                 | 378                                                  | 425                                                   | 472                                                   | 518                                                     |

#### Ghi chú:

Kinh nghiệm làm việc chỉ được xét đến nếu phù hợp với lĩnh vực tuyển chọn như yêu cầu qui định trong TOR của từng vị trí và toàn thời gian sau khi tốt nghiệp. Kinh nghiệm làm việc bán thời gian hoặc kinh nghiệm làm việc trong thời gian học đại học sẽ không được xét đến.

Các điều kiện tuyển chọn đối với Nhóm tham khảo 1, 2 và 3 đòi hỏi có bằng tốt nghiệp đại học. Trong trường hợp ứng viên trình độ Tiến sĩ hoặc Thạc sĩ thì kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp theo yêu cầu sẽ được giảm đi 2 năm. Đối với Nhóm 4, điều kiện tuyển chọn đòi hỏi tối thiểu phải có chứng nhận tốt nghiệp Trung học phổ thông.

<sup>2</sup> Hạn mức chi phí được quy định ở đây là mức tổng (nghĩa là đã bao gồm cả phần đóng góp của người sử dụng lao động và người lao động, các khoản thuế và bảo hiểm theo quy định), và hạn mức chi phí năm cao nhất được tính với 12 tháng dựa vào hạn mức chi phí theo tháng nêu trên.

## Phụ lục II - Nhân lực cung cấp dịch vụ

### Phụ lục II-A: Chuyên gia tư vấn trong nước

#### Mức của Chuyên gia tư vấn trong nước

| Loại  | Phạm vi công việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Trình độ học vấn và kinh nghiệm công tác tối thiểu trong lĩnh vực phù hợp                      | Mức lương theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam |                   |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|-------------------|
|       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                | Tối đa theo ngày                                         | Tối đa theo tháng |
| VNM 1 | Thực hiện các nhiệm vụ đòi hỏi các công việc liên quan đến nghiên cứu chính sách chuyên môn và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Có bằng tốt nghiệp đại học và có từ 3-5 năm kinh nghiệm toàn thời gian trong lĩnh vực phù hợp  | 70                                                       | 1.057             |
| VNM 2 | Xây dựng kế hoạch thực hiện và quản lý các nhiệm vụ đòi hỏi các công việc liên quan nghiên cứu, phân tích, viết báo cáo, cố vấn và truyền thông có liên quan đến các chính sách chuyên môn và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                         | Có bằng tốt nghiệp đại học và có từ 6-10 năm kinh nghiệm toàn thời gian trong lĩnh vực phù hợp | 114                                                      | 1.713             |
| VNM 3 | Xây dựng, tổ chức và quản lý các nhiệm vụ đòi hỏi phải thực hiện các công việc phức tạp liên quan nghiên cứu, phân tích, viết báo cáo, cố vấn và truyền thông có liên quan đến các chính sách chuyên môn và kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                           | Có bằng Thạc sỹ liên quan và có từ 10-15 năm kinh nghiệm toàn thời gian trong lĩnh vực phù hợp | 188                                                      | 2.818             |
| VNM 4 | i) Xây dựng, tổ chức và quản lý các nhiệm vụ (có thể bao gồm việc thiết lập và lãnh đạo một nhóm các chuyên gia hàng đầu) đòi hỏi phải thực hiện các công việc rất phức tạp liên quan đến nghiên cứu, phân tích, viết báo cáo, cố vấn và truyền thông có liên quan đến các chính sách chuyên môn và kỹ thuật<br>ii) Xây dựng, thực hiện, theo dõi và phát triển các chương trình và/hoặc các chiến lược, chính sách phát triển ở tầm quốc gia. | Có bằng Thạc sỹ liên quan và có trên 15 năm kinh nghiệm toàn thời gian trong lĩnh vực phù hợp  | 264                                                      | 3.955             |

#### Ghi chú:

Nguyên tắc chính để quyết định mức phí tư vấn phù hợp trước tiên dựa vào bản chất của công việc hay phạm vi công việc và sau đó dựa vào yêu cầu về trình độ học vấn và kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực phù hợp. Mức phí tư vấn KHÔNG được quyết định chỉ đơn thuần dựa vào trình độ học vấn và kinh nghiệm làm việc mà một tư vấn có.



Các điều kiện tuyển chọn đối với các đối tượng thuộc VNM 1 và VNM 2 đòi hỏi có bằng tốt nghiệp đại học. Trong trường hợp ứng viên trình độ Tiến sĩ hoặc Thạc sĩ thì kinh nghiệm trong lĩnh vực phù hợp theo yêu cầu sẽ được giảm đi 2 năm.

Các định mức này có thể áp dụng cho chuyên gia tư vấn quốc tế khi có sự nhất trí giữa các bên liên quan.

#### **Phụ lục II-B: Phiên dịch**

| <b>Phí phiên dịch</b><br>(tính theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam) |            |
|--------------------------------------------------------------------------------|------------|
| <b>Mức</b>                                                                     | <b>Phí</b> |
| <b>Dịch đồng thời (*)</b>                                                      |            |
| Cả ngày                                                                        | 500        |
| Nửa ngày                                                                       | 250        |
| <b>Dịch thường</b>                                                             |            |
| Cả ngày                                                                        | 200        |
| Giờ                                                                            | 25         |

#### **Ghi chú:**

Các mức trên có thể tăng và cao nhất đến mức 50% trong trường hợp ngoại lệ (ví dụ như phiên dịch cho cuộc họp, hội nghị và sự kiện cấp cao) trên cơ sở ngân sách của dự án đáp ứng được, có giải trình của CQTH và được sự chấp thuận của nhà tài trợ.

(\*) Mức dịch đồng thời được thanh toán theo nửa ngày hoặc cả ngày và không theo số lượng người cung cấp dịch vụ.

## **Phụ lục II-C: Biên dịch**

### **Phí biên dịch**

**(tính theo Đô la Mỹ và thanh toán bằng Đồng Việt Nam)**

|                                                            |                           |
|------------------------------------------------------------|---------------------------|
| Tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU sang tiếng Việt | 11 USD/trang (gồm 350 từ) |
| Tiếng Việt sang tiếng Anh hoặc tiếng của một nước thuộc EU | 11 USD/trang (gồm 350 từ) |

#### **Ghi chú:**

Các mức trên có thể tăng và cao nhất đến mức 10% trong trường hợp ngoại lệ trên cơ sở ngân sách của dự án đáp ứng được, có giải trình của CQTH và được nhà tài trợ chấp thuận.

Trong trường hợp tài liệu yêu cầu dịch ban đầu có sự thay đổi mà cần phải chỉnh sửa lại bản đã dịch của tài liệu ban đầu này thì có thể áp dụng định mức sửa đổi biên dịch cho tài liệu đã dịch theo mức 2 USD/trang (gồm 350 từ) đối với toàn bộ tài liệu.

## **Phụ lục II-D: Cán bộ hướng dẫn - hỗ trợ (áp dụng nếu thấy phù hợp)**

### **Mức tính theo ngày**

**(đơn vị: Đồng Việt Nam)**

|                                                                                                                                                                  |         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1. Thực hiện nhiệm vụ phức tạp yêu cầu có kiến thức kỹ thuật chuyên sâu, làm việc độc lập, có kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề, có khả năng giao tiếp tốt. | 860.000 |
| 2. Thực hiện những nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi có kiến thức về kỹ thuật, làm việc độc lập và có kỹ năng phân tích.                                                 | 720.000 |
| 3. Thực hiện công việc đơn giản yêu cầu áp dụng một phương pháp luận đã được biết đến và làm việc độc lập.                                                       | 430.000 |
| 4. Thực hiện công việc đơn giản yêu cầu áp dụng một phương pháp luận đã được biết đến dưới sự giám sát của người khác.                                           | 290.000 |



### Phụ lục III - Công tác phí

| Địa điểm/ Khu vực                                                                                                                        | Công tác phí<br>(Tinh bằng Đô la Mỹ và thanh toán bằng tiền<br>Đồng Việt Nam) |                            |      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|------|
|                                                                                                                                          | Định mức<br>phòng ở                                                           | Định mức ăn<br>và tiêu vật | Tổng |
| Các quận nội thành TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh                                                                                         | 40                                                                            | 33                         | 73   |
| - Các quận nội thành thành phố trực thuộc Trung ương gồm TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng, TP. Hải Phòng,                                        |                                                                               |                            |      |
| - Các thành phố du lịch trọng điểm gồm TP. Đà Lạt, TP. Đồ Sơn, TP. Hội An, TP. Huế, TP. Hạ Long, TP. Nha Trang, Phú Quốc và TP. Vũng Tàu | 36                                                                            | 29                         | 65   |
| - Các tỉnh lỵ <sup>3</sup> khác và thị trấn Sapa                                                                                         |                                                                               |                            |      |
| - Các huyện ngoại thành TP. Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng và TP. Hải Phòng                                           | 21                                                                            | 18                         | 39   |
| Các nơi khác                                                                                                                             | 15                                                                            | 13                         | 28   |

### Phụ lục IV - Chi phí trọn gói tổ chức cuộc họp, hội nghị hay sự kiện cấp cao

| Địa điểm/ Khu vực                                                                                                                        | Chi phí tối đa trọn gói theo đầu người<br>(Tinh bằng Đô la Mỹ và thanh toán bằng tiền<br>Đồng Việt Nam) |                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
|                                                                                                                                          | Sự kiện nửa ngày                                                                                        | Sự kiện cả ngày |
| Các quận nội thành TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh                                                                                         | 17                                                                                                      | 27              |
| - Các quận nội thành thành phố trực thuộc Trung ương gồm TP. Cần Thơ, TP. Đà Nẵng, và TP. Hải Phòng                                      |                                                                                                         |                 |
| - Các thành phố du lịch trọng điểm gồm TP. Đà Lạt, TP. Đồ Sơn, TP. Hội An, TP. Huế, TP. Hạ Long, TP. Nha Trang, Phú Quốc và TP. Vũng Tàu | 14                                                                                                      | 24              |
| Các nơi khác                                                                                                                             | 12                                                                                                      | 20              |

<sup>3</sup> Tỉnh lỵ là trung tâm hành chính nhà nước của một tỉnh, tức là nơi các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh đóng trụ sở.

**Phụ lục V - Thanh toán chi phí sử dụng phương tiện đi lại của cá nhân theo km**

**Mức thanh toán chi phí sử dụng  
phương tiện theo Km**

0,175 USD

Việc thanh toán chi phí sử dụng phương tiện đi lại của cá nhân chỉ áp dụng đối với các chuyến công tác, các cuộc họp và hội nghị được tổ chức tại địa điểm không thuộc nơi thường trú.

**Phụ lục VI - Chi phí taxi đi sân bay**

| <i>STT</i> | <i>Sân bay</i> | <i>Địa điểm</i>                | <i>Taxi sân bay - vé một chiều<br/>(Tính bằng Đồng Việt Nam)</i> |
|------------|----------------|--------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1          | Điện Biên      | Điện Biên                      | 30.000                                                           |
| 2          | Nội Bài        | TP. Hà Nội                     | 300.000                                                          |
| 3          | Cát Bi         | TP. Hải Phòng                  | 115.000                                                          |
| 4          | Vinh           | TP. Vinh                       | 110.000                                                          |
| 5          | Đồng Hới       | Đồng Hới                       | 170.000                                                          |
| 6          | Phủ Bài        | TP. Huế                        | 220.000                                                          |
| 7          | Đà Nẵng        | TP. Đà Nẵng                    | 75.000                                                           |
| 8          | Chu Lai        | TP. Tam Kỳ và TP<br>Quảng Ngãi | 595.000                                                          |
| 9          | Plêiku         | TP. Plêiku                     | 105.000                                                          |
| 10         | Phù Cát        | TP. Quy Nhơn                   | 365.000                                                          |
| 11         | Tuy Hòa        | Tuy Hòa                        | 115.000                                                          |
| 12         | Buôn Ma Thuột  | TP. Buôn Ma Thuột              | 165.000                                                          |
| 13         | Cam Ranh       | TP. Nha Trang                  | 315.000                                                          |
| 14         | Liên Khương    | TP. Đà Lạt                     | 290.000                                                          |
| 15         | Tân Sơn Nhất   | TP. Hồ Chí Minh                | 150.000                                                          |
| 16         | Rạch Soi       | Rạch Giá                       | 145.000                                                          |
| 17         | Phủ Quốc       | Phủ Quốc                       | 85.000                                                           |
| 18         | Cần Thơ        | TP. Cần Thơ                    | 250.000                                                          |
| 19         | Côn Đảo        | Côn Đảo                        | 290.000                                                          |
| 20         | Cà Mau         | Cà Mau                         | 45.000                                                           |



**Phụ lục VII - Các vùng (huyện) khó khăn**

| <b>Tỉnh</b> | <b>Số huyện<br/>nghèo nhất</b> | <b>Tên huyện</b>                                                           |
|-------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| Hà Giang    | 6                              | Đông Văn, Mèo Vạc, Yên Minh, Quản Bạ, Hoàng Su Phì, Xín Mần                |
| Cao Bằng    | 5                              | Bảo Lâm, Bảo Lạc, Thông Nông, Hà Quảng, Hạ Lang                            |
| Lào Cai     | 3                              | Si Ma Cai, Mường Khương, Bắc Hà                                            |
| Yên Bái     | 2                              | Mù Cang Chải, Trạm Tấu                                                     |
| Bắc Kạn     | 2                              | Ba Bể, Pắc Nặm                                                             |
| Bắc Giang   | 1                              | Sơn Động                                                                   |
| Phú Thọ     | 1                              | Tân Sơn                                                                    |
| Sơn La      | 5                              | Sốp Cộp, Phù Yên, Bắc Yên, Mường La, Quỳnh Nhai                            |
| Lai Châu    | 5                              | Mường Tè, Phong Thổ, Sìn Hồ, Than Uyên, Tân Yên                            |
| Điện Biên   | 4                              | Điện Biên Đông, Mường Nhé, Tủa Chùa, Mường Ảng                             |
| Thanh Hóa   | 7                              | Lăng Chánh, Thường Xuân, Quan Hóa, Quan Sơn, Mường Lát, Như Xuân, Bá Thước |
| Nghệ An     | 3                              | Kỳ Sơn, Tương Dương, Quế Phong                                             |
| Quảng Bình  | 1                              | Minh Hóa                                                                   |
| Quảng Trị   | 1                              | Đa Krông                                                                   |
| Quảng Ngãi  | 6                              | Sơn Hà, Trà Bồng, Sơn Tây, Minh Long, Tây Trà, Ba Tơ                       |
| Quảng Nam   | 3                              | Phước Sơn, Tây Giang, Nam Trà My                                           |
| Bình Định   | 3                              | An Lão, Vĩnh Thạnh, Vân Canh                                               |
| Ninh Thuận  | 1                              | Bắc Ái                                                                     |
| Kon Tum     | 2                              | Tu Mơ Rông, Kon Plông                                                      |
| Lâm Đồng    | 1                              | Đam Rông                                                                   |